

Bản tin thị trường

19.10.2022

Nhận định, tin doanh nghiệp, data talks

Tin Trọng Điểm

Nhận định thị trường
Cổ phiếu quan tâm
Danh mục đầu tư

Tin Doanh Nghiệp

DGC, FPT

Data Talks

Cổ phiếu tăng trưởng
Lịch chia cổ tức



Thị trường gặp ngưỡng cản ngắn hạn

Thị trường rung lắc nhẹ hôm nay và đóng cửa giảm nhẹ -3.59 điểm. Có 192 mã giảm so với 120 mã tăng trong ngày. Nhóm VN30 chỉ có 1/3 mã xanh như VIB, CTG, FPT, BIB, VCB, VNM. Một số nhóm ngành giảm nhẹ trong ngày như BDS, Vật liệu xây dựng, thép, hóa chất, thép. Diễn biến chung giao dịch trong ngày vẫn là thận trọng khi kỳ phái sinh đáo hạn vào cuối tuần vì vậy nhà đầu tư ưu tiên bán ra nhiều hơn mua vào. Thanh khoản cả ngày giao dịch chỉ đạt khoảng 6,400 tỷ trên sàn HOSE.

Một số doanh nghiệp đang tiến hành báo cáo Quý 3 có thể tạo động lực cho thị trường trong ngắn hạn. Một số nhóm ngành vẫn kỳ vọng tăng trưởng trong quý này như nhóm phân bón, hóa chất, bán lẻ, công nghệ. Một số nhóm ngành như thép có thể chạm đáy lợi nhuận trong quý này và hy vọng sẽ tích cực hơn từ quý 4 đến sang năm.

Thị trường đang có giai đoạn giao dịch trầm lắng và thanh khoản thấp vì vậy khả năng chỉ số có thể rung lắc quanh vùng 1040-1080 trong thời gian tới. Nhà đầu tư có thể chờ các nhịp giảm sâu trong phiên để tích lũy cổ phiếu trở lại. Một số cổ phiếu lưu ý: FPT, FRT, TLG, VCI, DGW, STB, CTG, BID.

Tin Doanh Nghiệp

FPT lãi trước thuế gần 5.700 tỷ đồng 9 tháng đầu năm



Kết thúc 9 tháng đầu năm, CTCP FPT (Mã: FPT) ghi nhận doanh thu 30.975 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 5.665 tỷ đồng, lần lượt tăng 24,1% và 23,8% so với cùng kỳ năm ngoái. So với kế hoạch năm, tập đoàn đã hoàn thành 73% mục tiêu doanh thu và 74,4% chỉ tiêu lợi nhuận năm.

Khối công nghệ giữ vai trò chủ chốt, đóng góp 57% doanh thu và 47% lợi nhuận trước thuế của toàn tập đoàn, tương đương 17.742 tỷ đồng và 2.635 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt 24,1% và 25,7% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, doanh thu dịch vụ CNTT tại nước ngoài đạt 13.479 tỷ đồng, tăng 29,4%, lợi nhuận trước thuế đạt 2.210 tỷ đồng, tăng 27,6% so với cùng kỳ năm 2021.

Doanh thu chuyển đổi số đạt 5.294 tỷ đồng, tăng trưởng 34,1% so với cùng kỳ, khẳng định năng lực cung cấp dịch vụ chuyển đổi số hiệu quả, toàn diện của Tập đoàn.

Mảng dịch vụ CNTT tại thị trường trong nước đạt doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt 4.263 tỷ đồng và 425 tỷ đồng, tương đương tăng trưởng 10% và 16,5%. Trong đó, các sản phẩm thuộc hệ sinh thái Made by FPT mang lại 658 tỷ đồng doanh thu, tăng trưởng 48,3% so với cùng kỳ.

Doanh thu khối viễn thông tăng trưởng 17,1% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 10.807 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế tăng trưởng 21,6%, đạt 2.169 tỷ đồng. Trong đó, doanh thu dịch vụ viễn thông tăng trưởng 16,1%, đạt 10.243 tỷ đồng.

Nhu cầu giáo dục ngành công nghệ thông tin tăng mạnh đã góp phần thúc đẩy doanh thu 9 tháng đầu năm của mảng giáo dục của FPT tăng 47% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 3.104 tỷ đồng.

Hóa chất Đức Giang (DGC) lãi sau thuế hơn 4.900 tỷ đồng 9 tháng, vượt 40% KH

Báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2022 của CTCP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (Mã: DGC) cho thấy cả doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của công ty đều tăng mạnh so với cùng kỳ năm ngoái, nhưng đã hạ nhiệt so với mức đỉnh ở quý II/2022.

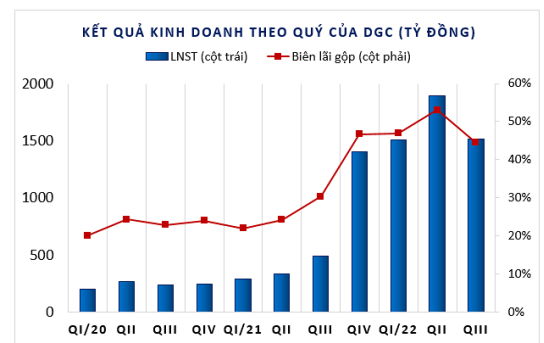
Cụ thể, doanh thu thuần của DGC tăng 75% so với quý III/2021 lên 3.695 tỷ đồng. Biên lãi gộp đạt 44,5%, cải thiện so với mức 30,4% cùng kỳ.

Trong kỳ, doanh nghiệp ghi nhận doanh thu từ hoạt động tài chính tăng trưởng 258% (chủ yếu là lãi từ tiền gửi có kỳ hạn và lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện) khi sở hữu lượng tiền gửi ngân hàng 7.383 tỷ đồng cuối quý III.

Theo đó, quý III, DGC lãi sau thuế 1.514 tỷ đồng, lãi ròng 1.414 tỷ, lần lượt tăng 210% và 196% so với cùng kỳ. So với kế hoạch quý III với doanh thu hợp nhất là 4.067 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất là 1.300 tỷ, DGC đã thực hiện được 91% mục tiêu doanh thu và vượt 16% chỉ tiêu lợi nhuận quý.

Còn so với mức đỉnh kỷ lục của quý II trước đó, kết quả doanh thu quý III vừa rồi của DGC thấp hơn 8% và lợi nhuận sau thuế thấp hơn 20%. Biên lãi gộp cũng thấp hơn 8,6 điểm % so với con số kỷ lục 53,1% quý II.

Lũy kế 9 tháng đầu năm, doanh thu thuần của DGC đạt 11.332 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 4.917 tỷ đồng, lần lượt tăng gần 76% và gấp 3,1 lần cùng kỳ năm ngoái. Với kết quả này, công ty đã thực hiện được 94% kế hoạch doanh thu và vượt 40% chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế cả năm sau 9 tháng.





Phân tích kỹ thuật



Chỉ số Vnindex đang củng cố quanh vùng 1060 trong ngắn hạn. Thị trường vẫn trong xu hướng tăng ngắn hạn với một số chỉ báo mua trên MACD. Nhà đầu tư có thể thực hiện chiến lược mua giá thấp trong ngày. Các nhóm ngành ưu tiên giao dịch: Ngân hàng, chứng khoán, bán lẻ, thép, công nghệ. Phân bón.

Ticker	Close	%	Hỗ trợ	Kháng Cự	Note	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
STB	17.3	(2.3)	15	20	Mua quanh 17	10/13/2022	1.2%
VCI	27.7	(0.5)	22	32	Mua quanh 25-26	10/13/2022	5.7%
CTG	23.2	0.9	20	28	Mua quanh 21-22	10/13/2022	7.9%
MBB	17.5	(0.3)	17	23	Mua quanh 16-17	10/13/2022	1.7%
FRT	80.8	3.6	60	85	Mua quanh 69-71	10/13/2022	13.8%
TLG	57.3	0.4	50	65	Mua quanh 52-54	10/13/2022	6.5%
NKG	17.0	(3.1)	15	22	Mua quanh 16-17	10/13/2022	0.0%
SHB	11.2	(0.9)	9.5	14	Mua quanh 10-11	10/17/2022	1.4%

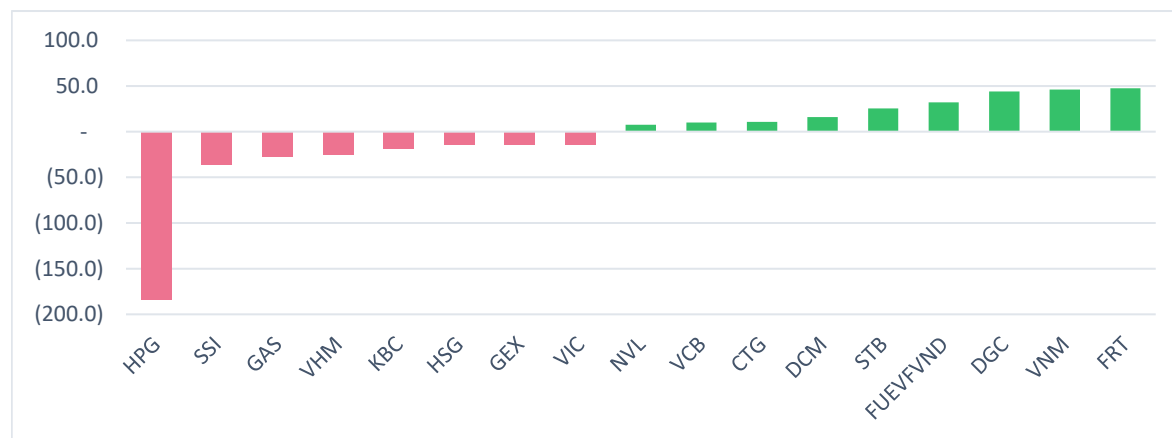


Tổng hợp kết quả kinh doanh 6T.2022

Ngành	SỐDN	DT6T.2022	DT6T.2021	%	LN6T.2022	LN6T.2021	%
Ngân hàng	27	203,760	173,141	17.7%	104,667	78,436	33.4%
Dầu khí	23	395,240	232,972	69.7%	22,242	10,863	104.8%
Bất động sản	81	93,342	157,857	-40.9%	18,575	28,731	-35.3%
Sản xuất và KD Thép	26	199,122	165,060	20.6%	14,525	22,369	-35.1%
Thực phẩm và đồ uống	71	156,961	157,122	-0.1%	15,677	13,917	12.6%
Vận tải - Logistics	73	63,186	54,944	15.0%	9,918	5,560	78.4%
Điện	43	78,672	69,172	13.7%	10,206	5,519	84.9%
Phân bón	13	38,528	24,395	57.9%	7,931	1,234	542.5%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	72	54,699	47,203	15.9%	6,077	6,676	-9.0%
Dịch vụ tài chính	40	26,338	22,619	16.4%	5,530	7,996	-30.8%
Bất động sản KCN	22	31,682	28,932	9.5%	9,234	5,289	74.6%
Xây dựng	110	84,077	84,526	-0.5%	6,318	4,347	45.3%
Hóa chất	27	46,366	32,271	43.7%	4,288	1,745	145.7%
Bán lẻ	21	124,887	105,304	18.6%	3,248	3,416	-4.9%
Thủy sản	24	33,252	25,119	32.4%	3,151	1,039	203.4%
Công nghệ Thông tin	18	24,833	20,617	20.4%	2,928	2,010	45.7%
Vật liệu xây dựng	42	36,968	28,449	29.9%	3,561	2,675	33.1%
Bảo hiểm	11	33,779	29,871	13.1%	2,156	2,421	-10.9%
Hàng cá nhân & Gia dụng	27	34,335	25,932	32.4%	2,598	1,798	44.4%
Dệt May	21	36,228	28,330	27.9%	1,945	1,465	32.8%
Nước	48	11,509	11,054	4.1%	1,616	1,608	0.5%
Y tế	36	21,471	24,311	-11.7%	1,550	1,425	8.8%
Viễn thông	5	19,409	16,921	14.7%	3,261	862	278.1%
Du lịch và Giải trí	32	56,344	29,703	89.7%	(4,241)	(8,679)	
Khoáng sản	33	49,095	31,309	56.8%	1,154	947	21.8%
Tài nguyên Cơ bản	20	17,021	15,813	7.6%	760	1,123	-32.3%
Cao su	13	2,599	2,335	11.3%	502	412	21.8%
Truyền thông	30	6,382	4,862	31.3%	486	250	94.1%
Ô tô và phụ tùng	11	23,561	19,738	19.4%	699	548	27.6%
Bao bì	17	18,682	13,248	41.0%	301	248	21.4%
Xây dựng và Vật liệu	58	13,485	15,235	-11.5%	204	(65)	
Phân phối xăng dầu & khí đốt	5	6,691	3,808	75.7%	73	71	3.5%
Tổng	1,100	2,042,500	1,702,175	20.0%	261,139	206,255	26.6%



Top mua bán ròng khối ngoại trong ngày (tỷ VND)



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	EPS	Book Value
ACB	HOSE	21.1	5,995,200	4.9	1.4	-	-	4,306	15,416
BID	HOSE	33.0	2,040,300	11.4	1.8	71,700	57,490	2,883	18,580
CTG	HOSE	23.2	5,961,800	7.5	1.1	555,300	92,500	3,099	21,387
EIB	HOSE	37.1	400,100	22.3	2.4	20,300	5,300	1,659	15,513
HDB	HOSE	16.7	1,779,000	4.7	1.0	1,040,000	955,250	3,591	17,576
LPB	HOSE	10.9	6,317,800	3.2	0.8	44,800	-	3,398	13,136
MBB	HOSE	17.5	9,550,900	4.1	0.9	120	-	4,221	18,767
MSB	HOSE	11.7	3,089,500	3.9	0.7	-	-	2,960	16,090
OCB	HOSE	13.5	2,454,900	4.9	0.8	110,600	500	2,754	16,897
SHB	HOSE	11.2	14,782,600	3.6	0.7	215,800	98,100	3,062	14,879
SSB	HOSE	29.5	1,439,300	11.9	2.5	6,700	3,500	2,472	11,892
STB	HOSE	17.3	13,785,600	9.1	0.9	4,006,700	2,536,300	1,905	18,989
TCB	HOSE	25.2	4,810,300	4.4	0.8	-	-	5,766	29,757
TPB	HOSE	20.6	2,456,300	5.1	1.1	200	-	4,024	18,340
VCB	HOSE	67.9	904,300	11.4	2.6	372,210	224,130	5,956	25,988
VIB	HOSE	20.4	1,822,400	4.5	1.5	-	50	4,528	13,403
VPB	HOSE	16.0	12,627,600	3.7	0.7	702,200	909,140	4,346	22,163
BAB	HNX	14.5	7,700	14.5	1.2	-	-	1,002	12,383
NVB	HNX	16.9	45,500	-	2.2	-	-	(188)	7,686
VBB	UPCOM	9.7	18,400	8.3	0.8	-	-	1,163	12,626
VAB	UPCOM	8.2	136,700	4.8	0.6	-	-	1,701	12,691
SGB	UPCOM	12.5	36,500	-	1.0	-	-	502	12,530
PGB	UPCOM	19.9	12,000	18.7	1.4	-	-	1,065	14,590
NAB	UPCOM	9.8	267,000	-	-	-	-	3,247	17,329
KLB	UPCOM	23.5	5,500	22.8	1.8	-	-	1,031	13,236
BVB	UPCOM	10.0	619,400	14.0	0.7	-	-	715	13,432
ABB	UPCOM	8.9	2,119,300	3.3	0.7	-	-	2,719	13,255
			93,485,900	8.63	1.24	7,146,630	4,882,260	2,737	16,242



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	RTB	UPCoM	17/11/2022	18/11/2022	2/12/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	NVL	HOSE	11/11/2022	14/10/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 1:0.2475	Thưởng cổ phiếu
3	ANV	HOSE	31/10/2022	1/11/2022	1/12/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	HTN	HOSE	27/10/2022	28/10/2022	25/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	AVC	UPCoM	26/10/2022	27/10/2022	7/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 3,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	CT3	UPCoM	25/10/2022	26/10/2022	25/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	CT3	UPCoM	25/10/2022	26/10/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Thưởng cổ phiếu
8	NBP	HNX	25/10/2022	26/10/2022	8/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	SCR	HOSE	25/10/2022	26/10/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:8	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
10	BKG	HOSE	24/10/2022	25/10/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:5	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
11	BKG	HOSE	24/10/2022	25/10/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:5	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
12	ICC	UPCoM	24/10/2022	25/10/2022	11/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 5,340 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	PNT	UPCoM	21/10/2022	24/10/2022	4/11/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	LNC	UPCoM	21/10/2022	24/10/2022	3/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 36 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	HGM	HNX	21/10/2022	24/10/2022	31/10/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	VPD	HOSE	21/10/2022	24/10/2022	22/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	HUB	HOSE	21/10/2022	24/10/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
18	HUB	HOSE	21/10/2022	24/10/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:5	Thưởng cổ phiếu
19	BHP	UPCoM	21/10/2022	24/10/2022	31/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 150 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	LAW	UPCoM	21/10/2022	24/10/2022	4/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 517 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	SHA	HOSE	21/10/2022	24/10/2022	10/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	VNL	HOSE	21/10/2022	24/10/2022	4/11/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	MPC	UPCoM	20/10/2022	21/10/2022	23/12/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	MPC	UPCoM	20/10/2022	21/10/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 1:1	Thưởng cổ phiếu
25	VHC	HOSE	20/10/2022	21/10/2022	28/10/2022	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	VTP	UPCoM	19/10/2022	20/10/2022	4/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	VTP	UPCoM	19/10/2022	20/10/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10000:933	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
28	NAB	UPCoM	19/10/2022	20/10/2022		Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:18.7364	Trả cổ tức bằng cổ phiếu



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cân nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931